CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP

Ngày 31/12/2025	11,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	20.6%	**8.3%**	**44.4%**

DT thuần
Q4/25
12.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.00| 19.2%
YoY: ▲ 2.30| 22.7%

LN thuần
Q4/25
2.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.60| 176%
YoY: ▲ 22.1| 115%

LN sau thuế
Q4/25
2.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.95| 656%
YoY: ▲ 33.5| 108%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
3.2%
YoY: +/-▼ 18.0%

ROE
2025
0.6%
YoY: +/-▼ 0.5%

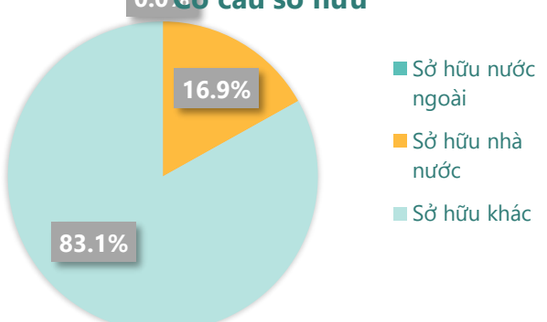
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,800 - 11,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	179
Số lượng CPLH (CP)	15,333,338
KLGD BQ 20 phiên (CP)	915
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	73
P/E	159.2

DT thuần
2025
45.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.9| 35.0%

LN thuần
2025
-1.87
tỷ VNĐ
YoY: ▼16.9| -112%

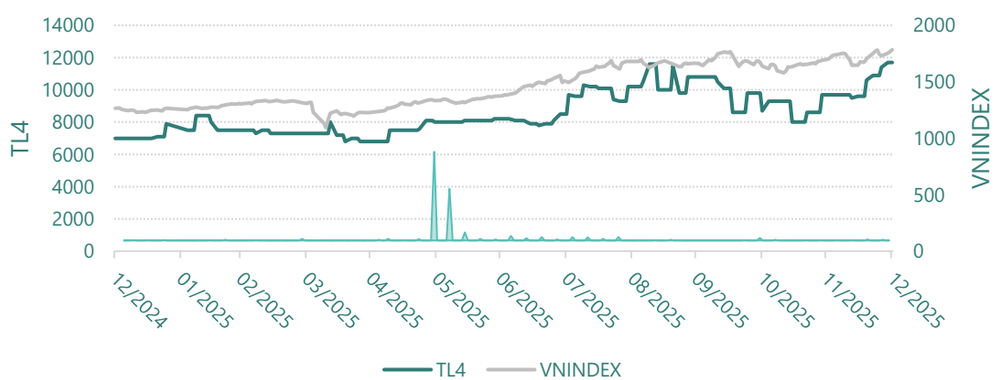
LN sau thuế
2025
1.03
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.68| -39.8%

Cơ cấu sở hữu

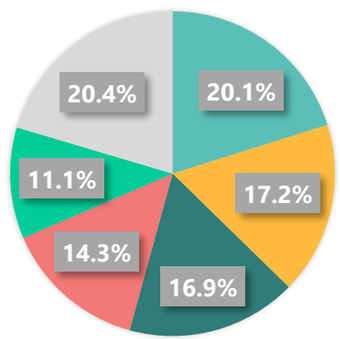


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

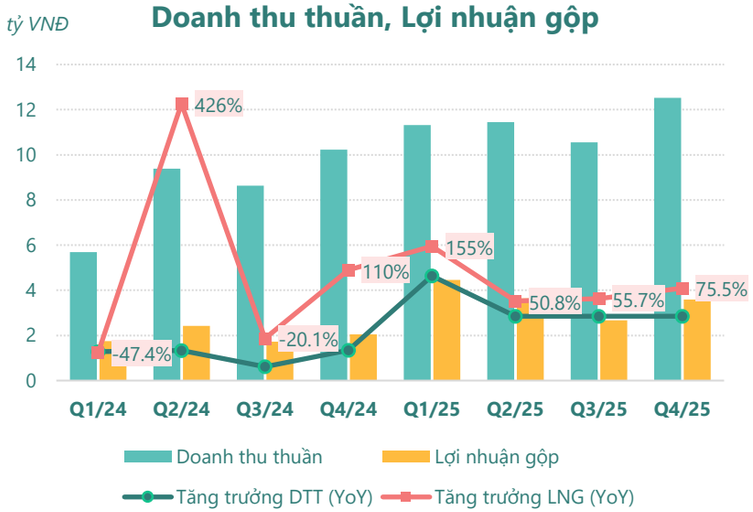


- Lâm Thanh Cường
- Phạm Xuân Trường
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- CTCP Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn
- NH Investment & Securities Co., Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

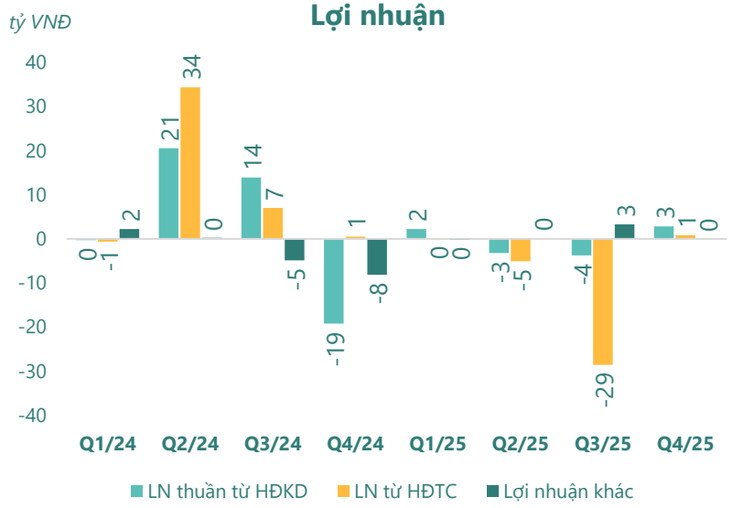
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



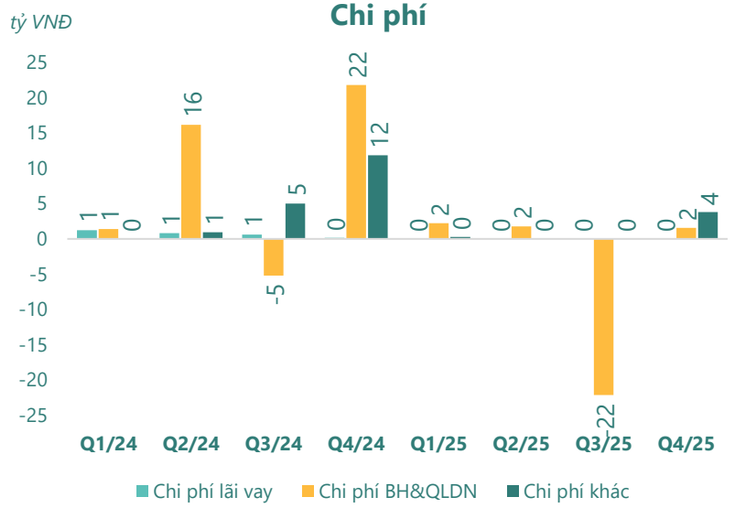
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



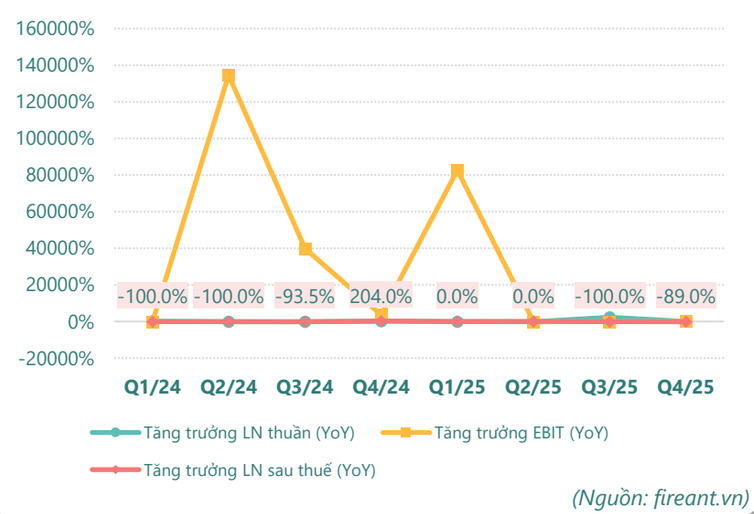
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



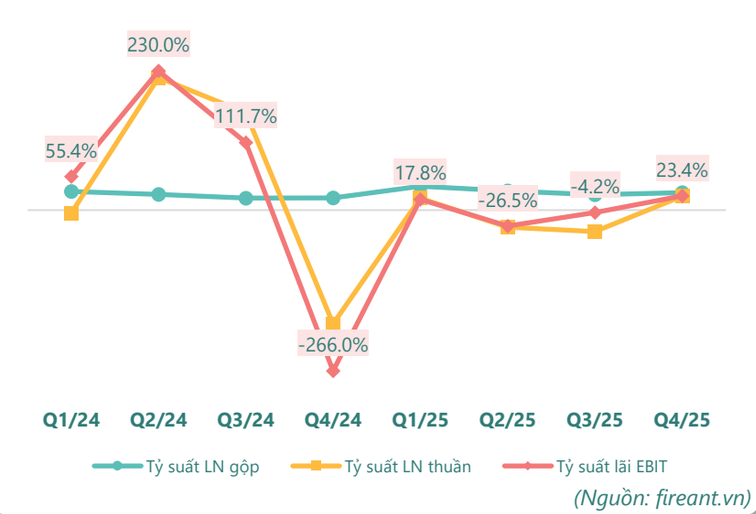
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



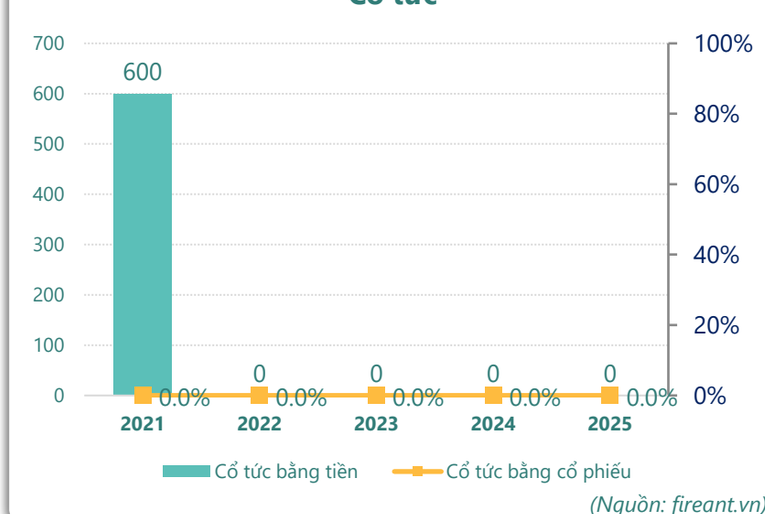
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

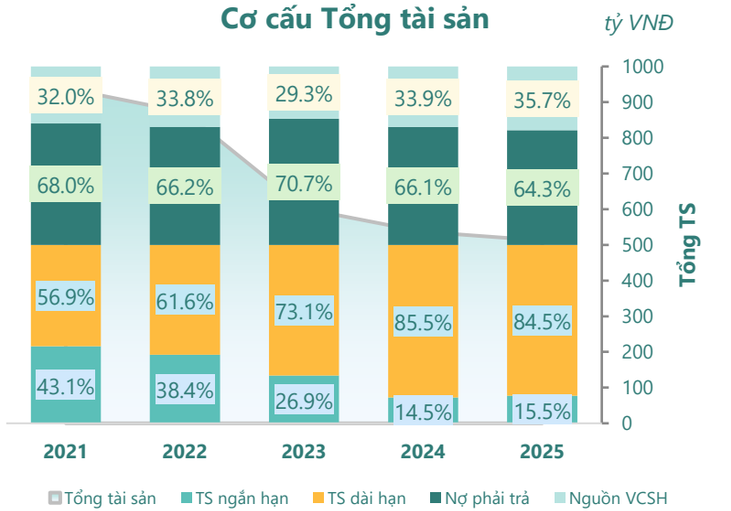
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

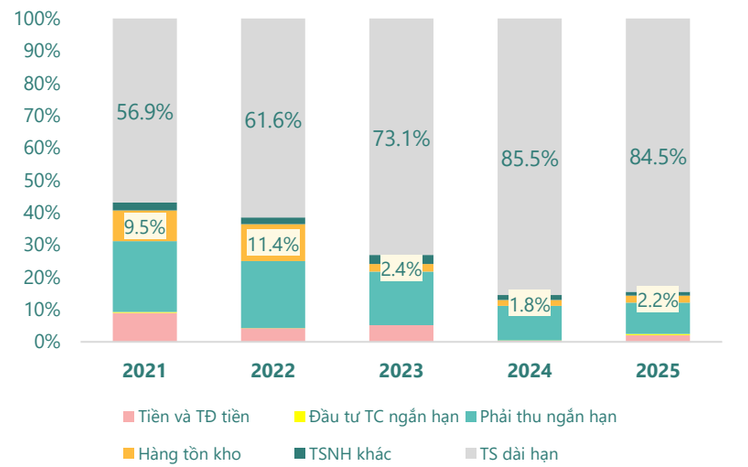
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



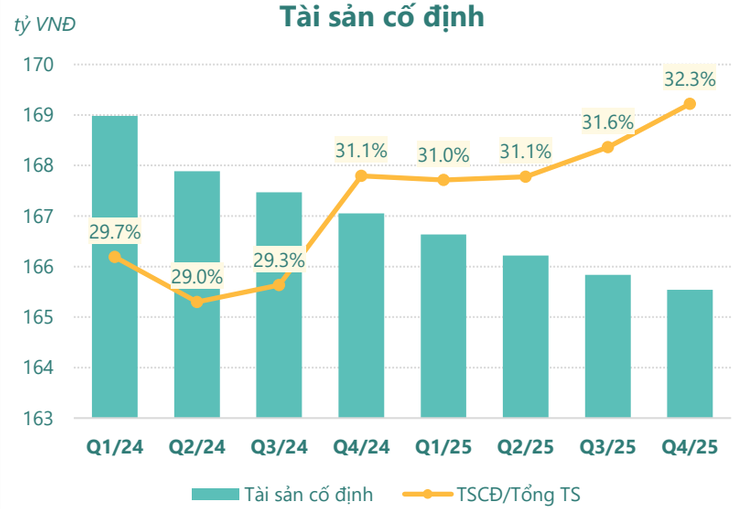
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



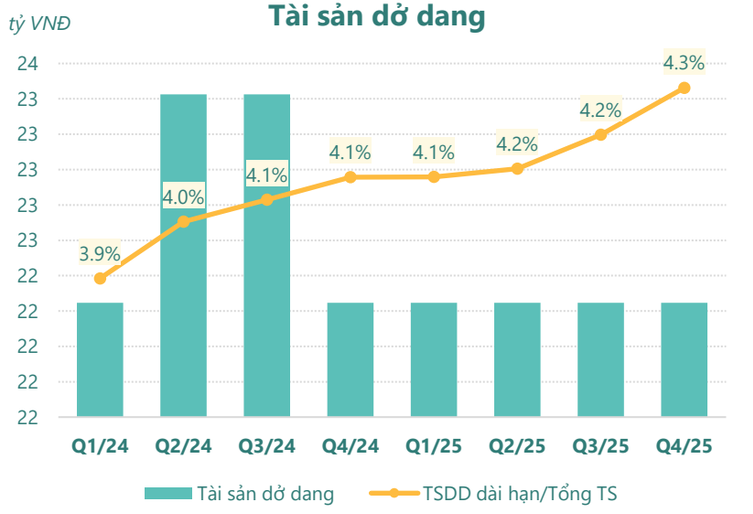
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



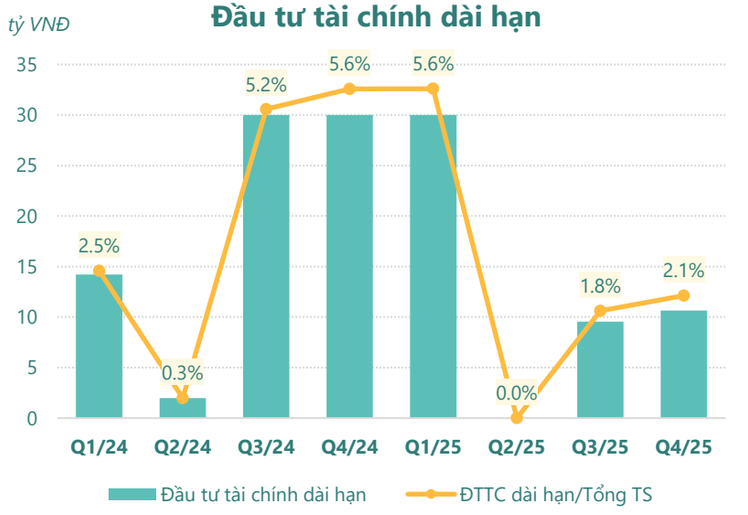
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



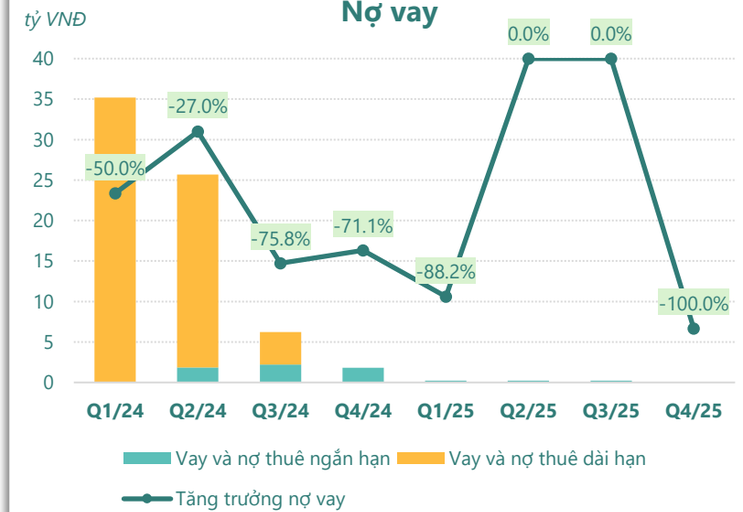
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

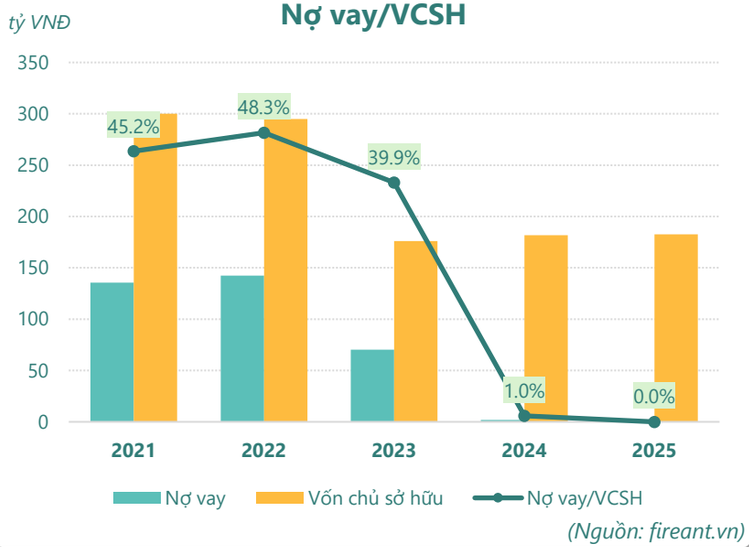
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

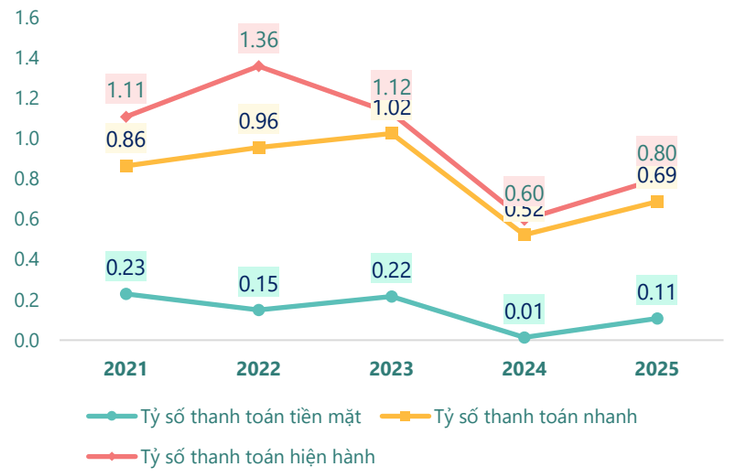
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



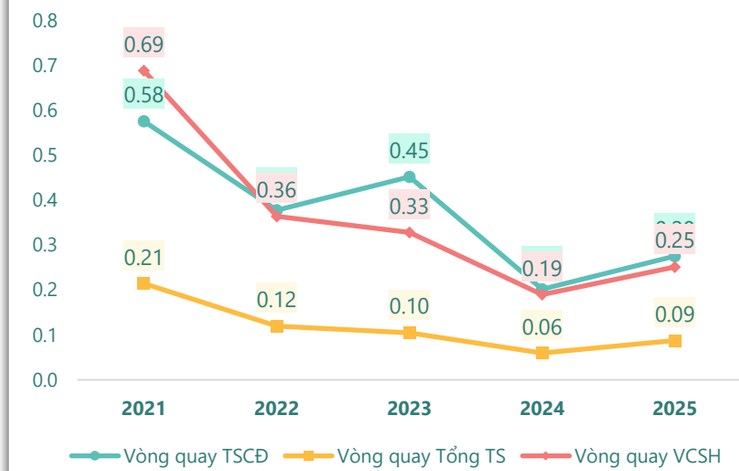
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



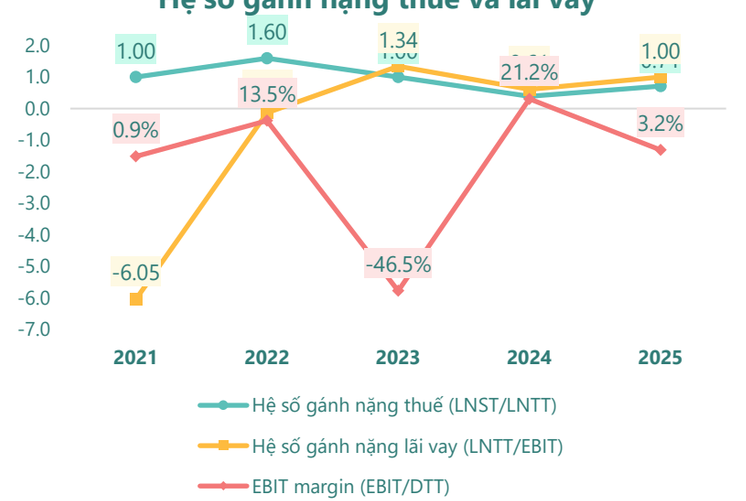
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



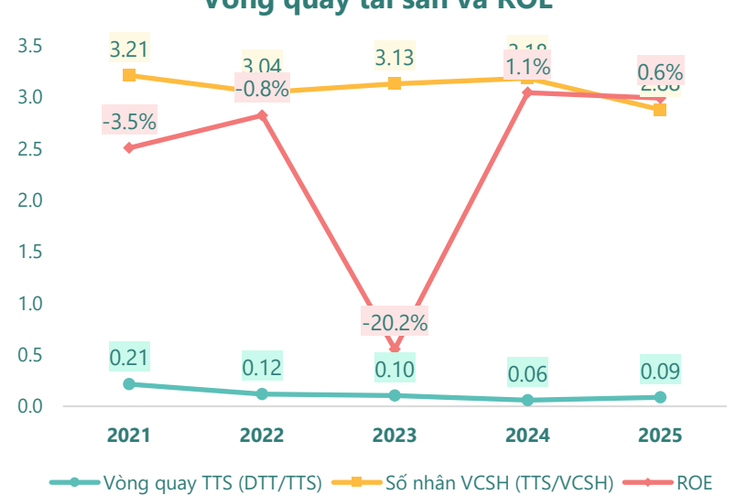
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



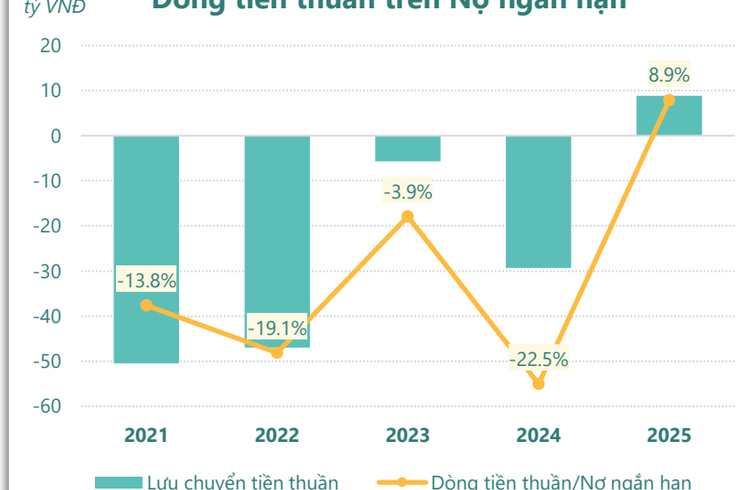
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**12.5**	**10.2**	**22.7%**	**45.8**	**33.9**	**35.0%**
Giá vốn hàng bán	8.92	8.18	9.1%	31.5	26.0	20.9%
Lợi nhuận gộp	3.60	2.05	75.4%	14.4	7.93	81.2%
Doanh thu HĐTC	0.09	0.34	-74.2%	0.57	42.4	-98.7%
Chi phí TC	-0.76	-0.19	-298%	33.4	1.16	2770%
Chi phí lãi vay	0	0.13	-100%	0.00	2.78	-99.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.58**	**21.8**	**-92.8%**	**-16.5**	**34.2**	**-148%**
LN thuần từ HĐKD	2.86	-19.2	115%	-1.87	15.0	-112%
Lợi nhuận khác	**0.07**	**-8.10**	**101%**	**3.32**	**-10.6**	**131%**
LN trước thuế	2.93	-27.3	111%	1.46	4.41	-67.0%
Lợi nhuận sau thuế	**2.50**	**-31.0**	**108%**	**1.03**	**1.71**	**-39.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.49**	**-30.9**	**108%**	**1.13**	**1.93**	**-41.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.66	3.79	4.30	-22.2	48.3	-6.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	18.9	1.46	-0.04	30.6	-43.3	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.4	-4.46	-1.59	0.00	0	-0.21
Tiền đầu kỳ	2.19	0.99	1.78	4.46	12.9	17.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.20**	**0.79**	**2.68**	**8.43**	**4.99**	**-7.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.99	1.78	4.46	12.9	17.9	10.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**512**	**537**	**-4.7%**
Tài sản ngắn hạn	79.1	77.7	1.9%
Tiền và tương đương tiền	10.6	1.78	499%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.70	0.66	158%
Phải thu ngắn hạn	49.8	57.2	-13.0%
Hàng tồn kho	11.1	9.77	13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.91	8.25	-28.4%
Tài sản dài hạn	**433**	**459**	**-5.8%**
Phải thu dài hạn	14.9	14.9	0.1%
Tài sản cố định	166	167	-0.9%
Bất động sản đầu tư	214	220	-2.6%
Tài sản dở dang	22.2	22.2	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.6	30.0	-64.5%
Tài sản dài hạn khác	**5.79**	**5.64**	**2.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	329	355	-7.3%
Nợ ngắn hạn	**99.1**	**130**	**-23.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	1.80	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.6	73.2	-21.4%
Nợ dài hạn	230	225	2.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**183**	**182**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**183**	**182**	**0.5%**
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)